

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

*Kèm theo*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc</b>	02 – 04
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	05 - 06
<b>3. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07 – 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chọn lọc	11 - 43

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc (gọi tắt là “Ban Lãnh đạo”) Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần (10.000 đồng/cổ phần).

#### **2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Năng Tuyển	Thành viên
Ông Đào Nguyên Đặng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng giám đốc ( Miễn nhiệm ngày 30/05/2019)

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Lưu Anh Tuấn	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 22/04/2019)
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Trưởng ban ( Bỏ nhiệm ngày 23/04/2019)
Bà Đặng Thị Hà Nguyên	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên ( Bỏ nhiệm ngày 22/04/2019)



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại : Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính giữa niên độ từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

#### 8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

THAY MẶT BAN LÃNH ĐẠO

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Bình Phú

Số: 90/2019/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được lập ngày 29 tháng 08 năm 2019, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.8 – Chi phí trả trước, Công ty đang làm việc với các bộ phận có liên quan thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh để xác định phương án mà UBND tỉnh Quảng Ninh sẽ đền bù cho Công ty về các khoản chi phí đã thực hiện dự án. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ quyết toán và phân chia chi phí thực hiện dự án này với các đối tác.

### **Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Dương Thị Thảo**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số số 0162-2018-242-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B01a- DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>54.016.512.282</b>	<b>55.248.741.537</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>18.097.172.011</b>	<b>12.101.362.905</b>
1. Tiền	111		18.097.172.011	12.101.362.905
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.738.039.789</b>	<b>28.560.813.597</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.491.013.369	9.865.532.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.732.987.325	3.106.485.573
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.7	6.911.251.142	6.911.251.142
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	9.968.782.925	10.043.539.320
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.365.994.972)	(1.365.994.972)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>1.429.906.450</b>	<b>3.376.566.806</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.429.906.450	3.376.566.806
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.751.394.032</b>	<b>11.209.998.229</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	2.785.846.141	3.953.687.079
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.724.605.600	6.717.643.112
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	240.942.291	538.668.038
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>277.740.242.833</b>	<b>281.748.922.281</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>626.876.520</b>	<b>717.083.957</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	626.876.520	717.083.957
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>122.826.404.694</b>	<b>147.255.878.535</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	115.434.906.767	139.815.647.272
- Nguyên giá	222		370.675.627.588	398.925.466.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(255.240.720.821)	(259.109.818.965)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.391.497.927	7.440.231.263
- Nguyên giá	228		7.511.097.914	7.561.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(119.599.987)	(120.866.651)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>133.180.185.626</b>	<b>116.212.774.482</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		82.300.000.000	64.300.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.837.974.000	3.372.569.200
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.9	49.950.000.000	49.950.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(907.788.374)	(1.409.794.718)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.106.775.993</b>	<b>17.563.185.307</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	20.574.009.212	16.540.729.280
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		532.766.781	1.022.456.027
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>331.756.755.115</b>	<b>336.997.663.818</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu số B01a- DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>141.798.219.107</b>	<b>153.281.611.175</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>107.293.048.266</b>	<b>100.589.850.439</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	2.969.739.929	11.805.551.639
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.568.399	36.282.803
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	6.381.975.013	6.162.306.336
4. Phải trả người lao động	314		1.231.379.560	3.220.513.918
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	6.743.211.283	5.560.193.214
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.087.775.311	2.555.530.494
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.849.520.977	6.588.215.239
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	81.991.564.003	63.613.356.405
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		998.313.791	1.047.900.391
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>34.505.170.841</b>	<b>52.691.760.736</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	6.486.228.115	6.718.815.451
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	28.018.942.726	45.972.945.285
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>189.958.536.008</b>	<b>183.716.052.643</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>189.958.536.008</b>	<b>183.716.052.643</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.013.831.925	33.013.831.925
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.534.274.835	(2.708.208.530)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.708.208.530)	51.100.913.908
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.242.483.365	(53.809.122.438)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>331.756.755.115</b>	<b>336.997.663.818</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lương Thị Hà



Đào Nguyên Đặng



Trần Bình Phú

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B02a- DN

Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		44.580.231.239	104.794.673.189
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	44.580.231.239	104.794.673.189
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	47.890.122.699	100.959.008.567
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(3.309.891.460)	3.835.664.622
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.987.336.154	8.626.084.701
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.813.115.221	5.185.893.343
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.758.101.844	2.761.267.242
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.896.257.590	3.508.211.610
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.031.928.117)	3.767.644.370
11. Thu nhập khác	31	6.6	10.100.072.879	242.818.347
12. Chi phí khác	32	6.7	335.972.151	119.433.723
13. Lợi nhuận khác	40		9.764.100.728	123.384.624
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.8	6.732.172.611	3.891.028.994
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		489.689.246	698.923.139
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.242.483.365	3.192.105.855

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lương Thị Hà

Đào Nguyên Đặng

Trần Bình Phú



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B03a- DN

**(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.732.172.611	3.891.028.994
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	14.812.273.545	23.481.095.609
Các khoản dự phòng	03	(502.006.344)	751.436.065
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	467.358.543	1.506.116.517
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.064.866.845)	(8.457.758.570)
Chi phí lãi vay	06	1.758.101.844	2.761.267.242
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>7.203.033.354</b>	<b>23.933.185.857</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	5.738.339.704	(5.570.711.012)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.946.660.356	(2.712.810.798)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.616.112.351)	(1.604.883.342)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.865.438.994)	(4.983.618.960)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(1.410.102.539)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(49.586.600)	(401.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.643.104.531)</b>	<b>7.249.359.206</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm; xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(100.000.000)
2. Tiền thu do thanh lý; nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	807.558.111	-
4. Tiền thu hồi cho vay; bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	-	5.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay; cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.874.509.030	7.064.224.324
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7.682.067.141</b>	<b>12.464.224.324</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.633.209.135)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(2.633.209.135)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>6.038.962.610</b>	<b>17.080.374.395</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>12.101.362.905</b>	<b>10.178.300.710</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(43.153.504)	78.544.328
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>18.097.172.011</b>	<b>27.337.219.433</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

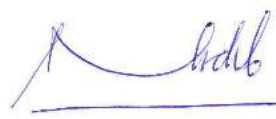
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lương Thị Hà



Đào Nguyên Đặng



Trần Bình Phú



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

Đơn vị tính: VND

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần (10.000 đồng/cổ phần).

Cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM

Mã cổ phiếu là: VFR

##### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: kinh doanh cảng cạn (ICD), dịch vụ môi giới hàng hải, thuê tàu và cho thuê tàu.

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh cảng cạn (ICD);
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Dịch vụ vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5 kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Cung cấp các dịch vụ, nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa bằng đường biển;
- Dịch vụ thuế hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Cho thuê thuyền viên;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo ủy thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**Cấu trúc doanh nghiệp:****Công ty có 03 đơn vị trực thuộc, 04 công ty con và 02 công ty liên kết. Cụ thể:**

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng	Số 35, đường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải phòng	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>	<u>Địa chỉ</u>
<b>Công ty Con đã đang hoạt động trong năm</b>		
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên	94,33%	Km24, Quốc lộ 5A, Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hải Phòng	100%	Số 35, đường Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hà Nội	100%	74 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Số 11, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	25%	Số 29 – 31 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thành, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Heung – A Shipping Việt Nam	30%	Số 14 Trương Quyền, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

**Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

**3. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Công ty thực hiện hạch toán tập trung tại Phòng Kế toán tài chính.

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.4. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

**Đầu tư vào công ty con liên doanh liên kết**

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**4.5. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc thì ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.7.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	04 - 05

**4.7.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Phần mềm quản lý 03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất Không trích khấu hao

#### 4.8. Chi phí trả trước

*Chi phí trả trước ngắn hạn:* Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến kỳ tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí trả trước ngắn hạn của công ty là công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, phí bảo hiểm thuê tàu, tiền thuê đất và chi phí khác

*Chi phí trả trước dài hạn:* Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn của công ty là sửa chữa lớn, cấp Giấy chứng nhận tàu Thăng Long, sửa chữa lớn, cấp Giấy chứng nhận tàu Bluelotus, dự án nhà điều hành kho bãi chung chuyển khai thác hàng hóa và chi phí khác.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 02 đến 03 năm.

#### 4.9. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;

#### 4.10. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

#### 4.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

#### 4.12. Vốn chủ sở hữu

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty chia cổ tức trên lợi nhuận của khu vực cổ phần hóa.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 4.13. Giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ

#### 4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### 4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

#### 4.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### 4.17. Thuế

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 0% đối với các dịch vụ vận tải quốc tế và 10% với các dịch vụ khác.

#### **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4.18. Bù trừ các công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.19. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 7.4.

34  
01  
VH  
PJ  
T  
VA  
-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	49.636.806	128.369.134
Tiền gửi ngân hàng	18.047.535.205	11.972.993.771
<b>Cộng</b>	<b><u>18.097.172.011</u></b>	<b><u>12.101.362.905</u></b>

**5.2. Phải thu khách hàng**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	3.217.346.000	2.264.416.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.273.667.369	7.601.116.534
<b>Cộng</b>	<b><u>4.491.013.369</u></b>	<b><u>9.865.532.534</u></b>
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	3.217.346.000	2.264.416.000

**5.3. Trả trước cho người bán**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	605.000.000	605.000.000
Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh	882.748.175	882.748.175
Công ty Cp tư vấn xây dựng Phương Anh	525.000.000	525.000.000
Công ty TNHH NMSV	405.125.000	-
Các đối tượng khác	3.127.987.325	2.501.485.573
<b>Cộng</b>	<b><u>3.732.987.325</u></b>	<b><u>3.106.485.573</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.4. Phải thu khác**

	30/06/2019	01/01/2019
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>9.968.782.925</b>	<b>10.043.539.320</b>
- Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	5.229.333.970
- Dự thu lãi tiền cho vay	439.290.484	165.112.630
- Quản lý tàu	-	1.343.974.090
- Trả hộ hãng tàu các loại phí	-	51.491.008
- Tạm ứng	342.979.017	844.857.133
- Phải thu khác	3.957.179.454	2.408.770.489
<b>b) Dài hạn</b>	<b>626.876.520</b>	<b>717.083.957</b>
- Ký cược, ký quỹ	584.941.000	584.941.000
- Phải thu khác	41.935.520	132.142.957
<b>Cộng</b>	<b>11.222.535.965</b>	<b>10.760.623.277</b>

**5.5. Hàng tồn kho**

	30/06/2019	01/01/2019
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
	Dự phòng	Dự phòng
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	1.429.906.450	3.376.566.806
<b>Cộng</b>	<b>1.429.906.450</b>	<b>3.376.566.806</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.6. Nợ Xấu**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên (100%)	1.365.994.972	-	(1.365.994.972)	1.365.994.972
Công ty Orion Hanel	174.560.896	-	(174.560.896)	174.560.896
Công ty TNHH Vận tải Biển Liên Hợp	40.792.800	-	(40.792.800)	40.792.800
Công ty Hong Myung	10.198.200	-	(10.198.200)	10.198.200
Công ty TNHH Nanokovi	29.574.780	-	(29.574.780)	29.574.780
Công ty Cổ phần An Xuyên	52.170.740	-	(52.170.740)	52.170.740
Chi nhánh Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam	99.279.512	-	(99.279.512)	99.279.512
Công ty TNHH Tiếp vận SAS Vững Áng	414.021.020	-	(414.021.020)	414.021.020
Công ty Protonic Shipping	257.720.000	-	(257.720.000)	257.720.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Hải Bắc	214.450.000	-	(214.450.000)	214.450.000
Các công ty khác	73.227.024	-	(73.227.024)	73.227.024
<b>Cộng</b>	<b>1.365.994.972</b>	<b>-</b>	<b>(1.365.994.972)</b>	<b>1.365.994.972</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.7. Phải thu về cho vay**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Kim Ngọc (*)	6.911.251.142	6.911.251.142
<b>Cộng</b>	<b>6.911.251.142</b>	<b>6.911.251.142</b>

(\*) Theo hợp đồng số 01/2017/HĐVV/VFR-KN và 02/2017/HĐVV/VFR-KN ngày 12/09/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/2018/VFR-KN ngày 11/08/2018. Tổng số tiền cho vay là 40 tỷ đồng, lãi suất 8%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tài chính. Khoản cho vay được đảm bảo bằng tín chấp.

**5.8. Chi phí trả trước**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phí bảo hiểm tàu	1.058.688.355	1.070.543.714
Tiền thuê đất	519.562.994	-
Chi phí khác	1.207.594.792	2.883.143.365
<b>Cộng</b>	<b>2.785.846.141</b>	<b>3.953.687.079</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Sửa chữa lớn; cấp GCN tàu Thăng Long	8.850.272.327	10.322.823.580
Sửa chữa lớn, cấp GCN tàu Blue Lotus	7.465.089.097	60.408.147
Dự án nhà điều hành kho bãi chung chuyển khai khác hàng hóa (*)	4.148.999.072	4.139.671.998
Chi phí khác	109.648.716	2.017.825.555
<b>Cộng</b>	<b>20.574.009.212</b>	<b>16.540.729.280</b>

(\*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và ông Lương Anh Khoa về việc hợp tác đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa. Ngày 28/04/2017, UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển hàng hóa do Công ty Cổ phần Vận tải Vietfracht thực hiện. Ngày 29/09/2017, Công ty có biên bản làm việc với Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Hạ Long và UBND tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án chi trả chi phí thực hiện dự án. Đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHON LỘC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào Công ty con	82.300.000.000	- (*)	64.300.000.000	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh (1)	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng (2)	30.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht HN (3)	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên (4)	28.300.000.000	(*)	28.300.000.000	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.837.974.000	(*)	3.372.569.200	(*)
+ Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam	-	(*)	1.534.595.200	(*)
+ Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht (5)	397.974.000	(*)	397.974.000	(*)
+ Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam (6)	1.440.000.000	(*)	1.440.000.000	(*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	49.950.000.000	(*)	49.950.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà nội (7)	49.950.000.000	(*)	49.950.000.000	(*)
<b>Cộng</b>	<b>134.087.974.000</b>	<b>(*)</b>	<b>117.622.569.200</b>	<b>(*)</b>
			<b>(907.788.374)</b>	<b>(1.409.794.718)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

### Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

- (1) Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh thành lập và hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh là 100%.
- (2) Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng thành lập và hoạt động tại Hải Phòng với hoạt động chính là đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng là 100%.
- (3) Công ty TNHH MTV Vietfracht HN thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động chính là hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải, chuẩn bị mặt bằng, đại lý môi giới đầu giá. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht HN là 100%.
- (4) Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên thành lập và hoạt động tại Hưng Yên với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên là 94,33%.
- (5) Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, giao nhận. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht là 25%.
- (6) Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam là 30%.
- (7) Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn chuyên doanh. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội là 3,7%.

(\*) Xem tại phần thuyết minh giá trị hợp lý tại 7.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀI**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHON LỘC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	42.690.376.551	311.969.429	354.372.780.757	1.447.482.357	102.857.143	398.925.466.237
Thanh lý, nhượng bán	-	(269.469.429)	(3.484.235.472)	(740.296.097)	(102.857.143)	(4.596.858.141)
Mang đi góp vốn	(23.652.980.508)	-	-	-	-	(23.652.980.508)
Tại ngày 30/06/2019	19.037.396.043	42.500.000	350.888.545.285	707.186.260	-	370.675.627.588
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	25.095.674.093	311.969.429	232.184.502.959	1.414.815.341	102.857.143	259.109.818.965
Khấu hao trong kỳ	299.058.173	-	14.492.968.041	9.014.000	-	14.801.040.214
Thanh lý, nhượng bán	-	(269.469.429)	(3.107.408.382)	(716.643.081)	(102.857.143)	(4.196.378.035)
Mang đi góp vốn	(14.473.760.323)	-	-	-	-	(14.473.760.323)
Tại ngày 30/06/2019	10.920.971.943	42.500.000	243.570.062.618	707.186.260	-	255.240.720.821
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2019	17.594.702.458	-	122.188.277.798	32.667.016	-	139.815.647.272
Tại ngày 30/06/2019	8.116.424.100	-	107.318.482.667	-	-	115.434.906.767

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 9.953.535.685 VND

Giá trị còn lại của Tài sản cố định mang đi cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược: 106.001.124.593 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2019	7.355.097.914	206.000.000	7.561.097.914
Thanh lý, nhượng bán	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	<u>7.355.097.914</u>	<u>156.000.000</u>	<u>7.511.097.914</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2019	-	120.866.651	120.866.651
Khấu hao trong năm	-	11.233.331	11.233.331
Thanh lý, nhượng bán		(12.499.995)	(12.499.995)
Tại ngày 30/06/2019		<u>119.599.987</u>	<u>119.599.987</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2019	<u>7.355.097.914</u>	<u>85.133.349</u>	<u>7.440.231.263</u>
Tại ngày 30/06/2019	<u>7.355.097.914</u>	<u>36.400.013</u>	<u>7.391.497.927</u>

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:  
52.000.000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp /bù trừ trong kỳ VND	30/06/2019 VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
- Thuế Xuất nhập khẩu	20.301.526	-	-	20.301.526
- Thuế TNDN	219.812.242	-	-	219.812.242
- Thuế nhà đất	297.725.747	631.173.048	333.447.301	-
- Các khoản phải nộp khác	828.523	-	-	828.523
<b>Cộng</b>	<b>538.668.038</b>	<b>631.173.048</b>	<b>333.447.301</b>	<b>240.942.291</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
- Thuế GTGT	365.068.418	397.005.476	719.232.241	42.841.653
- Thuế TNCN	467.952.432	94.387.708	29.762.035	532.578.105
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	31.201.000	869.813.993	391.187.000	509.827.993
- Các loại Thuế khác	5.298.084.486	3.000.000	4.357.224	5.296.727.262
<b>Cộng</b>	<b>6.162.306.336</b>	<b>1.364.207.177</b>	<b>1.144.538.500</b>	<b>6.381.975.013</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHON LỘC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.13. Phải trả người bán**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Tổng Công ty hoá dầu Petrolimex - CTCP	224.134.580	224.134.580	1.341.282.000	1.341.282.000
Công ty TNHH dịch vụ và thương mại hàng hải Mari	294.141.500	294.141.500	159.830.000	159.830.000
Promarine Law office	525.873.540	525.873.540	524.521.680	524.521.680
Phải trả cho các đối tượng khác	1.925.590.309	1.925.590.309	9.779.917.959	9.779.917.959
<b>Cộng</b>	<b>2.969.739.929</b>	<b>2.969.739.929</b>	<b>11.805.551.639</b>	<b>11.805.551.639</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay dự trả	6.443.929.774	4.689.898.977
Các khoản trích trước khác	299.281.509	870.294.237
<b>Cộng</b>	<b>6.743.211.283</b>	<b>5.560.193.214</b>

**5.15. Phải trả khác**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.849.520.977</b>	<b>6.588.215.239</b>
- Kinh phí công đoàn	147.392.340	193.678.067
- Bảo hiểm xã hội	27.490.739	29.811.244
- Bảo hiểm thất nghiệp	66.340	66.340
- Phải trả, phải nộp khác	5.674.571.558	6.103.846.088
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	260.813.500
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.486.228.115</b>	<b>6.718.815.451</b>
- Phải trả dài hạn khác	5.630.414.615	5.891.228.115
+ Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	4.230.000.000	4.230.000.000
+ Xí nghiệp Mol Phía Bắc	1.371.639.899	1.371.639.899
+ Phải trả dài hạn khác	28.774.716	289.588.216
- Nhận ký quỹ, ký cược	855.813.500	827.587.336
<b>Cộng</b>	<b>12.335.749.092</b>	<b>13.307.030.690</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.16. Vay và nợ thuế tài chính**

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (1)	42.577.870.831	42.577.870.831	9.994.204.366	-	32.583.666.465	32.583.666.465
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	39.413.693.172	39.413.693.172	8.384.003.232	-	31.029.689.940	31.029.689.940
<b>Cộng</b>	<b>81.991.564.003</b>	<b>81.991.564.003</b>	<b>18.378.207.598</b>	<b>-</b>	<b>63.613.356.405</b>	<b>63.613.356.405</b>
<b>b) Dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (1)	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	19.755.055.356	19.755.055.356	-	9.753.846.038	29.508.901.394	29.508.901.394
<b>Cộng</b>	<b>19.755.055.356</b>	<b>19.755.055.356</b>	<b>-</b>	<b>9.753.846.038</b>	<b>29.508.901.394</b>	<b>29.508.901.394</b>
	<b>28.018.942.726</b>	<b>28.018.942.726</b>	<b>-</b>	<b>17.954.002.559</b>	<b>45.972.945.285</b>	<b>45.972.945.285</b>

(1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2011/HĐTDDH/PGB-HO ngày 09/06/2011 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chờ hàng trọng tải 14.187 DWT (Tàu Blue Lotus), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(2): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2010/HĐTDDH/PGB-HO ngày 05/10/2010 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chờ hàng trọng tải 8.934 DWT (Tàu Thăng Long), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay ngắn hạn đang trong quá trình cơ cấu lại lịch trả nợ với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – CN Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀI**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.17. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	150.000.000.000	33.013.831.925	3.410.429.248	71.001.504.908	257.425.766.081
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	(53.809.122.438)	(53.809.122.438)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	(19.900.591.000)	(19.900.591.000)
Số dư tại ngày 31/12/2018	150.000.000.000	33.013.831.925	3.410.429.248	(2.708.208.530)	183.716.052.643
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	6.242.483.365	6.242.483.365
Số dư tại ngày 30/06/2019	150.000.000.000	33.013.831.925	3.410.429.248	3.534.274.835	189.958.536.008



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**5.17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn của Chủ sở hữu**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
<b>Chi tiết các cổ đông</b>			
Bà Dương Thị Huệ	28.576.000.000	28.576.000.000	19,05
Bà Vũ Thị Hạnh	25.038.190.000	25.038.190.000	16,69
Bà Đỗ Thị Huyền Thanh	20.865.160.000	20.865.160.000	13,91
Các cổ đông khác	75.520.650.000	75.520.650.000	50,35
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c) Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	19.900.591.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2019 Cổ phần	01/01/2019 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

**e) Các quỹ của Doanh Nghiệp**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	33.013.831.925	33.013.831.925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.410.429.248	3.410.429.248
<b>Cộng</b>	<b>36.424.261.173</b>	<b>36.424.261.173</b>

**5.18. CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>44.580.231.239</b>	<b>104.794.673.189</b>
- Doanh thu dịch vụ vận tải biển	41.384.843.476	61.591.732.397
- Doanh thu dịch vụ giao nhận vận tải	1.171.267.592	29.412.806.854
- Doanh thu cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi	425.000.000	6.999.621.222
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.599.120.171	6.790.512.716
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>44.580.231.239</b>	<b>104.794.673.189</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Giá vốn dịch vụ vận tải biển	45.046.962.958	62.488.829.219
- Giá vốn dịch vụ giao nhận vận tải	1.500.389.527	27.642.276.182
- Giá vốn cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi	331.760.337	6.546.112.587
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	1.011.009.877	4.281.790.579
<b>Cộng</b>	<b>47.890.122.699</b>	<b>100.959.008.567</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	293.701.554	1.448.106.344
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.547.073.676	7.009.652.226
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	50.008.094	64.645.403
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	62.819.030	103.680.728
Doanh thu tài chính khác	33.733.800	-
<b>Cộng</b>	<b>6.987.336.154</b>	<b>8.626.084.701</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**6.4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền vay	1.758.101.844	2.761.267.242
Lỗi chênh lệch tỷ giá thực hiện	20.731.557	63.392.778
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	536.288.163	1.609.797.245
Dự phòng tổn thất khoản đầu tư	(502.006.343)	-
Chi phí tài chính khác	-	751.436.078
<b>Cộng</b>	<b>1.813.115.221</b>	<b>5.185.893.343</b>

**6.5. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	2.186.113.935	2.181.817.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.733.570	427.474.661
Chi phí nguyên vật liệu	71.856.847	51.619.363
Thuế, phí, lệ phí	475.151.907	439.591.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	687.501.494	561.198.618
Chi phí bằng tiền khác	1.383.899.837	2.329.433.831
Chi phí dự phòng	-	(2.482.923.894)
<b>Cộng</b>	<b>4.896.257.590</b>	<b>3.508.211.610</b>

**6.6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Lãi do thanh lý tài sản	392.358.916	-
+ Thu từ thanh lý tài sản	807.558.111	-
+ Chi từ thanh lý tài sản	415.199.195	-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn	8.820.779.816	-
- Các khoản khác	886.934.147	242.818.347
<b>Cộng</b>	<b>10.100.072.879</b>	<b>242.818.347</b>

**6.7. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Các khoản khác	335.972.151	119.433.723
<b>Cộng</b>	<b>335.972.151</b>	<b>119.433.723</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**6.8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.732.172.611	3.891.028.994
Các khoản chi phí không được khấu trừ	118.170.000	44.940.683
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	6.547.073.676	10.504.267.921
- Cổ tức lợi nhuận được chia	6.547.073.676	7.009.652.226
- Điều chỉnh giảm do hoàn lại các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	3.494.615.695
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	303.268.935	(6.568.298.244)
Chuyển lỗ từ những năm trước	(303.268.935)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	11.027.547.739	16.344.557.952
Chi phí nhân công	8.754.266.127	11.716.189.864
Khấu hao tài sản cố định	14.812.273.545	23.481.095.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.333.396.620	47.247.418.228
Chi phí bằng tiền khác	858.896.258	5.677.958.524
<b>Cộng</b>	<b>52.786.380.289</b>	<b>104.467.220.177</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu nước ngoài và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch phải thu, thu nợ, vay, trả nợ gốc vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu*

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty nắm giữ cổ phiếu của các công ty con có cùng các rủi ro như Công ty. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

**7.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**7.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2019</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.097.172.011	-	18.097.172.011
Phải thu khách hàng	4.491.013.369	-	4.491.013.369
Phải thu về cho vay	6.911.251.142		6.911.251.142
Đầu tư	-	134.087.974.000	134.087.974.000
Phải thu khác	9.968.782.925	626.876.520	10.595.659.445
<b>Cộng</b>	<b>39.468.219.447</b>	<b>134.714.850.520</b>	<b>174.183.069.967</b>
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.365.994.972)	-	(1.365.994.972)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(907.788.374)	(907.788.374)
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.102.224.475</b>	<b>133.807.062.146</b>	<b>171.909.286.621</b>
<b>Tại 30/06/2019</b>			
Phải trả người bán	2.969.739.929	-	2.969.739.929
Phải trả khác	5.849.520.977	6.486.228.115	12.335.749.092
Chi phí phải trả	6.743.211.283	-	6.743.211.283
Các khoản vay và nợ	81.991.564.003	28.018.942.726	110.010.506.729
<b>Tổng cộng</b>	<b>97.554.036.192</b>	<b>34.505.170.841</b>	<b>132.059.207.033</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(59.451.811.717)</b>	<b>99.301.891.305</b>	<b>39.850.079.588</b>
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2019</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.101.362.905	-	12.101.362.905
Phải thu khách hàng	9.865.532.534	-	9.865.532.534
Phải thu về cho vay	6.911.251.142		6.911.251.142
Đầu tư	-	117.622.569.200	117.622.569.200
Phải thu khác	10.043.539.320	717.083.957	10.760.623.277
<b>Cộng</b>	<b>38.921.685.901</b>	<b>118.339.653.157</b>	<b>157.261.339.058</b>
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.365.994.972)	-	(1.365.994.972)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1.409.794.718)	(1.409.794.718)
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.555.690.929</b>	<b>116.929.858.439</b>	<b>154.485.549.368</b>
<b>Tại 01/01/2019</b>			
Phải trả người bán	11.805.551.639	-	11.805.551.639
Phải trả khác	6.588.215.239	6.718.815.451	13.307.030.690
Chi phí phải trả	5.560.193.214	-	5.560.193.214
Các khoản vay và nợ	63.613.356.405	45.972.945.285	109.586.301.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.567.316.497</b>	<b>52.691.760.736</b>	<b>140.259.077.233</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(50.011.625.568)</b>	<b>64.238.097.703</b>	<b>14.226.472.135</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**7.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.097.172.011	12.101.362.905	18.097.172.011	12.101.362.905
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.720.677.842	19.260.160.839	12.354.682.870	17.894.165.867
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	133.180.185.626	116.212.774.482	(*)	(*)
Các khoản phải thu về cho vay	6.911.251.142	6.911.251.142	6.911.251.142	6.911.251.142
<b>Cộng</b>	<b>171.909.286.621</b>	<b>154.485.549.368</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	2.969.739.929	11.805.551.639	2.969.739.929	11.805.551.639
Phải trả khác	12.335.749.092	13.307.030.690	12.335.749.092	13.307.030.690
Các khoản vay và nợ	110.010.506.729	109.586.301.690	110.010.506.729	109.586.301.690
<b>Cộng</b>	<b>125.315.995.750</b>	<b>134.698.884.019</b>	<b>125.315.995.750</b>	<b>134.698.884.019</b>

(\*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**7.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**7.4 Thông tin về các bên có liên quan*****Danh sách các bên liên quan:***

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Năng Tuyến	UV.HĐQT
Đào Nguyên Đặng	UV.HĐQT, KTT
Trần Bình Phú	Tổng giám đốc
Lê Văn Thành	Phó TGD
Nguyễn Thành Luyện	Phó TGD

Ngoài các thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

<b><u>Đối tượng</u></b>	<b>Nội dung</b>		<b>Số tiền</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên	Thanh toán cước vận chuyển		1.540.000
	Bù trừ công nợ		140.000
	Chi phí vận chuyển		1.400.000
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	Bù trừ công nợ		224.403.013
	Thu hộ phí GN		17.820.000
	Cung cấp dịch vụ		589.671.800
	Thu nhập khác		366.300.000
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Thu phí làm hàng		1.103.795.626
- Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam	Thu tiền cổ tức		6.547.073.676
	Phí khai thác hàng		20.654.000
- Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	Phí khai thác hàng lẻ		9.828.000
- Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam	Xuất kho quà tặng đối tác Liên doanh		2.500.000
- Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Thu phí làm hàng		501.822.432
	Thu từ cung cấp dịch vụ		18.996.969
	Bù trừ công nợ		49.705.725
	Phải trả chi phí làm hàng		56.307.383

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- DN

**Thu nhập của Ban lãnh đạo được hưởng trong kỳ tài chính:**

Họ tên	Chức vụ	Năm nay VND
Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch HĐQT	60.210.000
Nguyễn Năng Tuyển	UV.HĐQT	61.560.000
Đào Nguyên Đăng	UV.HĐQT, KTT	153.180.000
Trần Bình Phú	Tổng giám đốc	189.145.167
Lê Văn Thành	Phó TGĐ	115.320.000
Nguyễn Thành Luyện	Phó TGĐ	90.542.046
<b>Tổng cộng</b>		<b>669.957.213</b>

**7.5 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán và soát xét.

**7.6 Tính hoạt động liên tục của Công ty**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**7.7 Thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lương Thị Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Nguyên Đăng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Bình Phú